TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS - ST
Ngày: 09 - 02 - 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG -TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Chủng

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Rạng

Ông Đàm Văn Kiều

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST- TCDS ngày 27 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên toà số 03/2018/QĐST-DS ngày 25/01/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ: Số 169 Phố Đ, phường H, quận M, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Ông Đào Đức C – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện N.

Đại diện theo uỷ quyền của ông C: Bà Phạm Thị H - Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch huyện N; đại chỉ: Thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

* *Bị đơn*: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Xóm 3, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2017, bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2017 và lời khai tại phiên toà, bà Phạm Thị H là đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 17/9/2014, hộ bà Hoàng Thị H đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay tại Ngân hàng X, hai bên giao kết hợp đồng vay cụ thể như sau: Tổng số tiền vay 30.000.000đ; lãi suất 0,72%/tháng; mục đích xin vay: Chăn nuôi lợn nái; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 20/9/2014 đến ngày 20/9/2017 và cam kết trả lãi hàng tháng định kỳ vào ngày 20 của tháng và 01 năm trả nợ gốc/ lần. Bà H đã trả tổng số tiền lãi là 5.918.400 đồng, chưa trả tiền gốc. Như vậy, tính đến ngày 09/02/2018 (ngày xét xử so thẩm), bà H còn nợ Ngân hàng X số nợ gốc là 30.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.990.200 đồng cộng với số tiền lãi quán hạn là 305.200 đồng (lãi quá hạn được tính theo công thức: Số tiền gốc nhân với 0,936%/tháng nhân với số ngày sử dụng thực tế chia cho 30 ngày). Và yêu cầu bà Hoàng Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/02/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy dề nghị vay vốn ngày 17/9/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng buộc bị đơn bà Hoàng Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng X số tiền gốc 30.000.000 đồng và tổng số tiền lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 3.296.791 đồng. Yêu cầu bà H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/02/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy dề nghị vay vốn ngày 17/9/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên toà bị đơn là bà Hoàng Thị H vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành lấy lời khai của bà H, bà H không ký vào biên bản lấy lời khai nhưng lời khai của bà H thể hiện: Bà H đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được Toà án công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bà thừa nhận có vay của ngân hàng X số nợ gốc 30.000.000 đồng cùng với số tiền lãi chưa trả. Đây là những khoản vay mà bà H vay để cho chị Lê Thị H (trước đây chị H là người phụ trách vay vốn ở xóm 3, xã N) vay lại, nay chị H đã đi khỏi địa phương không có địa chỉ. Gia đình bà H hoàn cảnh rất khó khăn nên không có khả năng trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên toà.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng X số tiền gốc đã vay 30.000.000 đồng và tổng số tiền lãi tính đến ngày 09/02/2018 là 3.296.791 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh sau khi xét xử cho đến khi trả xong nợ; đề nghị miễn án phí cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là người cư trú tại xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng; bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 227, Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý, giải quyết và vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn (bên cho vay) với bị đơn (bên vay) là hợp đồng vay tài sản được giao kết ngày 20/9/2014 khi Bộ luật dân sự 2005 còn hiệu lực, nên nay áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn, các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị đơn đã có căn cứ xác định bị đơn là bà Hoàng Thị H có vay của nguyên đơn (Ngân hàng X) số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng với mục đích vay nuôi lợn nái, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 20/9/2014 đến ngày 20/9/2017, cam kết trả lãi hàng tháng định kỳ vào ngày 20 của tháng và 06 tháng trả nợ gốc/ lần. Bị đơn đã trả số tiền lãi đến ngày 20/12/2016 là 5.918.400.000 đồng; chưa trả gốc. Kể từ tháng 01/2017 bị đơn không thanh toán tiền lãi và tiền vay. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền gốc và lãi, cụ thể: Đề nghị bị đơn trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tổng số tiền lãi tính đến ngày 09/02/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 3.295.400 đồng, tổng cộng là 33.295.400 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc bà H phải trả tiền sau khi xét xử: Thấy mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy dề nghị vay vốn ngày 17/9/2014 là phù hợp với quy định trong Luật các tổ chức tín dụng. Nên bà Hoàng Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/02/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn ngày 17/9/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong nợ là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng trong hồ sơ thể hiện bà Hoàng Thị H sinh năm 1958, không có tài liệu xác định được ngày, tháng sinh nên ngày, tháng năm sinh của bị đơn được xác định là ngày 01/01/1958. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì bà H là người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[1]. Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, cụ thể: Buộc bị đơn là bà Hoàng Thị H phải trả cho Ngân hàng X số tiền 33.296.791đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm chin mươi mốt đồng), trong đó số nợ gốc 30.000.000 đồng và tổng số tiền lãi tính đến ngày 09/02/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 3.296.791đồng.

Bà Hoàng Thị H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/02/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị vay vốn ngày 17/9/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

[2]. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị H.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan và bị đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phạm Văn Chủng

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh: 01 bản;
- VKS huyện: 02 bản
- THA DS huyện: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.